TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/KDTM-ST
Ngày: 25/11/2019
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà
Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L**. Địa chỉ: Số 227 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Nguyễn Đan T1, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Minh T, sinh năm 1993 và ông Phạm Xuân B, sinh năm 1990; (*Theo giấy ủy quyền số 81/UQ-NL-XXVI ngày 16/9/2019 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L và Giấy ủy quyền số 108/UQ-NL-XXVI ngày 07/11/2019*). Bà T và ông B có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần Xây dựng V**. Địa chỉ: Số 158 đường T, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Phú C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn H, sinh năm 1975, chức vụ: Giám đốc (*Theo giấy ủy quyền số 152/GUQ-CT ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng V*). Ông H vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P**. Địa chỉ: 03A2 đường G, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân L1, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị L, sinh năm 1979; (*Theo giấy ủy quyền số 82/GUQ-CT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P*). Bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2019, bản tự khai ngày 16/9/2019, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Minh T và ông Phạm Xuân B trình bày:*

Ngày 28/3/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L (*gọi tắt là Công ty L*) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V với Công ty Cổ phần Xây dựng V (*gọi tắt là Công ty V*). Theo nội dung hợp đồng hai bên đã ký kết, Công ty L cung cấp cho Công ty V các mặt hàng thép với các chủng loại: Thép xây dựng, thép hình, thép ống và thép đặc chủng - chuyên dụng.

Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng nêu trên, cùng ngày 28/3/2019 các bên gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L (Bên A), Công ty Cổ phần Xây dựng V (Bên B) và Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P (*Chủ đầu tư dự án khách sạn P ở đường G, thành phố Đà Nẵng*) *(gọi tắt là Công ty P)* (Bên C) cùng ký Biên bản thỏa thuận 3 bên đồng ý, thống nhất cam kết về việc bảo lãnh thanh toán với nội dung: Công ty P đồng ý cam kết bảo lãnh thanh toán cho Công ty L theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019.

Thực hiện hợp đồng, Công ty L đã cung cấp hàng hóa cho Công ty V theo đúng thỏa thuận và Công ty V đã xác nhận đơn hàng giữa hai đơn vị với tổng số tiền là **6.379.935.815đ** (*sáu tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm mười lăm đồng*). Tuy nhiên, Công ty V và Công ty P chỉ thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền là 2.000.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2019, các bên tiếp tục có biên bản thỏa thuận 03 bên với nội dung: *Công ty P cam kết bảo lãnh việc thanh toán cho Công ty L cụ thể: đến ngày 6/5/2019 sẽ thanh toán 3 tỷ và đến hết ngày 5/6/2019 sẽ thanh toán hết số tiền còn lại của đợt 4. Khi đến hạn thanh toán trên, Công ty P thực hiện thanh toán cho Công ty L bằng ủy nhiệm chi thông qua tài khoản của Công ty V (hình thức thanh toán bằng ủy nhiệm chi song song theo giá trị, khối lượng có xác nhận của Công ty V). Công ty L sẽ nhận được thanh toán đúng thời gian theo kế hoạch trên, không phụ thuộc vào việc nghiệm thu hay những vấn đề còn vướng mắc giữa Công ty V và Công ty P (nếu có).*

Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán, Công ty V và Công ty P vẫn không thực hiện thanh toán theo đúng cam kết. Ngày 04/6/2019, Công ty L có thông báo gửi Công ty V và Công ty P về việc yêu cầu thanh toán công nợ nhưng các bên vẫn không thực hiện. Ngày 05/6/2019, Công ty V xác nhận còn nợ Công ty L số tiền là 4.398.727.321 đồng theo Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ (*số 0506/NL/2019 từ ngày 28/3/2019 đến ngày 05/6/2019*) ngày 05/6/2019. Sau khi Công ty L khởi kiện ra Tòa án thì Công ty V đã chuyển thanh toán cho Công ty L số tiền là 1.000.000.000 đồng vào ngày 04/9/2019. Ngày 14/7/2019 Công ty L đã nhận của Công ty V số tiền 2.000.000.000 đồng bằng ủy nhiệm chi không ghi rõ nội dung. Quá trình giải quyết, Công ty V và Công ty P đều thống nhất số tiền 2.000.000.000đ (*hai tỷ đồng*) nêu trên là thanh toán cho dự án P theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019 nên Công ty L sẽ khấu trừ vào số tiền gốc chưa thanh toán là 3.398.727.321 đồng. Tính đến nay, Công ty V còn nợ Công ty L số tiền gốc là 1.398.727.321đ (*một tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng*). Đối với số tiền

1.368.699.528 đồng, Công ty V chuyển trả cho Công ty L vào ngày 14/7/2019 là chuyển thanh toán theo Quyết định thi hành án số 01/2019/QĐTHA-TPLPH ngày 29/5/2019 được ghi rõ trên ủy nhiệm chi.

Nay Công ty L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.965.592.023đ (*hai tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*) yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2018 với tổng số tiền là 1.485.953.409 đồng *(một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng)*; trong đó: số tiền gốc là 1.379.935.815 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 106.017.594 đồng (*lãi tính đến ngày 24/11/2019*) với mức lãi suất là 8%/năm.

Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nói trên thì buộc Công ty P phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty V theo đúng cam kết tại Biên bản thỏa thuận về việc bảo lãnh thanh toán ngày 26/4/2019.

** Tại văn bản trình bày đề ngày 22/9/2019, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phùng Văn H trình bày:* Ngày 28/3/2019, Công ty Cổ phần Xây dựng V (*gọi tắt là Công ty V*) có ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L (*gọi tắt là Công ty L*) hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V về việc cung cấp các mặt hàng thép nhằm phục vụ riêng cho việc thi công xây dựng công trình số 2404/2018/HĐTCXDCT "*Hạng mục: Thi công tường vây hố móng, phần móng tầng hầm, kết cấu phần thân, xây trát và nhân công ốp lát*" giữa Công ty V với Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P. Cùng ngày 28/3/2019, các bên gồm: Công ty L, Công ty V và Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P (*Chủ đầu tư dự án khách sạn P ở đường G, thành phố Đà Nẵng*) *(gọi tắt là Công ty P)* cùng ký Biên bản thỏa thuận 3 bên đồng ý, thống nhất cam kết về việc bảo lãnh thanh toán với nội dung: "*Công ty P đồng ý cam kết bảo lãnh thanh toán cho Công ty L theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019*".

Từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/5/2019, Công ty L đã cung cấp thép cho dự án công trình với tổng giá trị là 6.379.935.815 đồng. Tính đến ngày 04/9/2019, Công ty V đã thanh toán qua các đợt tổng cộng là 5.000.000.000 đồng, cụ thể: ngày 09/5/2019 thanh toán 2.000.000.000 đồng; ngày 12/7/2019 thanh toán 2.000.000.000 đồng; ngày 04/9/2019 thanh toán 1.000.000.000 đồng. Đến nay, Công ty V còn nợ Công ty L là 1.379.935.815 đồng.

Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng Công ty V đã chuyển thanh toán cho Công ty L vào ngày 12/7/2019 bằng ủy nhiệm chi không ghi rõ nội dụng thì Công ty V xác nhận số tiền 2.000.000.000 đồng nêu trên là tiền thanh toán cho dự án P theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019.

Đối với số tiền 1.368.699.528 đồng, Công ty V chuyển trả cho Công ty L vào ngày 12/7/2019 là chuyển thanh toán theo Quyết định thi hành án số 01/2019/QĐTHA-TPLPH ngày 29/5/2019.

Đối với dự án theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019, Công ty V xác nhận Công ty P đã chuyển thanh toán cho Công ty V

tổng số tiền là 6.368.699.528 đồng. Công ty P chỉ còn trách nhiệm bảo lãnh cho Công ty V số tiền là 11.236.287 đồng.

Nay Công ty V đồng ý thanh toán cho Công ty L số tiền là 1.472.040.631đ *(một tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm ba mươi mốt đồng)*; trong đó: số tiền gốc là 1.379.935.815 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 92.104.816 đồng (*lãi suất 8%, tính từ ngày 06/6/2019, tạm tính đến ngày 09/10/2019*).

** Tại văn bản số 81.CV-CT ngày 22/9/2019, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị L trình bày:* Căn cứ hợp đồng thi công xây dựng công trình số 2404/2018/HĐTCXDCT "*Hạng mục: Thi công tường vây hố móng, phần móng tầng hầm, kết cấu phần thân, xây trát và nhân công ốp lát*" giữa Công ty P và Công ty V nên Công ty P đồng ý thỏa thuận bảo lãnh thanh toán cho Công ty V số tiền phát sinh cấp thép xây dựng theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019 giữa Công ty V với Công ty L là 6.379.935.815 đồng.

Thực hiện cam kết, Công ty P đã thanh toán cho Công ty L được số tiền 2.000.000.000 đồng bằng ủy nhiệm chi thông qua tài khoản của Công ty V vào ngày 09/5/2019.

Ngày 26/4/2019, các bên tiếp tục có biên bản thỏa thuận 03 bên với nội dung: "*Công ty P cam kết bảo lãnh việc thanh toán cho Công ty L cụ thể: đến ngày 6/5/2019 sẽ thanh toán 3 tỷ và đến hết ngày 5/6/2019 sẽ thanh toán hết số tiền còn lại của đợt 4"*.

Sau đó, Công ty P tiếp tục thanh toán cho Công ty L bằng ủy nhiệm chi thông qua tài khoản của Công ty V vào ngày 12/7/2019 thanh toán 3.368.699.528 đồng; ngày 04/9/2019 thanh toán 1.000.000.000 đồng. Tất cả các khoản tiền này, Công ty P chuyển trả để thanh toán cho dự án của Công ty P theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019 giữa Công ty V với Công ty L. Việc Công ty V dùng số tiền 1.368.699.528 đồng trong số tiền 3.368.699.528 đồng mà Công ty P chuyển trả vào ngày 12/7/2019 để thanh toán cho dự án khác thì Công ty V phải có trách nhiệm trả cho Công ty L. Đến nay, Công ty P chỉ còn trách nhiệm bảo lãnh cho Công ty V số tiền nợ còn lại là 11.236.287đ (*mười một triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng*) theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019 giữa Công ty V với Công ty L. Trong thời gian tới, Công ty P sẽ chuyển dứt diểm số tiền trên cho Công ty V để chuyển trả cho Công ty L. Trách nhiệm còn lại là của Công ty V phải thanh toán cho Công ty L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng V. Căn cứ khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015,

trong trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nói trên thì buộc Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Xây dựng V trong phạm vi bảo lãnh số tiền còn lại là 11.236.287 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật áp dụng*: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2018 về việc mua bán hàng hóa giữa Công ty L với Công ty V; căn cứ vào Văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2019 và ngày 26/4/2019 về việc bảo lãnh thanh toán giữa bên A (bên bán) là Công ty L với bên B (bên mua) là Công ty V và bên C (bên bảo lãnh) là Công ty P. Các bên có tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại và nghĩa vụ bảo lãnh, Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải trả nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán. Trường hợp Công ty V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Công ty P phải có nghĩa vụ trả nợ thay. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Điều 24 và 50 của Luật Thương mại năm 2005; các Điều 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L khởi kiện Công ty Cổ phần Xây dựng V có địa chỉ tại 158 đường T, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đại diện bị đơn là Công ty V và đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.965.592.023đ (*hai tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*) (4.451.545.432 đồng – 1.485.953.409 đồng). Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 243 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút.

[4] *Về nội dung*:

Ngày 28/3/2019, giữa Công ty L và Công ty V có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V. Theo nội dung hợp đồng, Công ty L cung cấp cho Công ty V các mặt hàng thép với các chủng loại: Thép xây dựng, thép hình, thép ống và thép đặc chủng - chuyên dụng. Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng nêu trên, cùng ngày 28/3/2019 các bên gồm: Công ty L (bên A), Công ty V (Bên

B) và Công ty P (Bên C) đã ký "*Biên bản thỏa thuận về việc bảo lãnh thanh toán*" với nội dung: Bên C cam kết bảo lãnh việc thanh toán cho bên A tổng giá trị thép bên A cung cấp cho bên B phục vụ cho dự án của bên C theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V ngày 28/3/2019. Ngày 05/6/2019, giữa Công ty L và Công ty V ký "*Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ*" của dự án khách sạn P xác định tính đến ngày 05/6/2019, Công ty V còn nợ Công ty L số tiền 4.398.727.321đ (*bốn tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng*). Sau ngày đối chiếu công nợ thì Công ty V đã chuyển thanh toán dự án công trình P cho Công ty L bằng hai ủy nhiệm chi; cụ thể: số tiền 1.000.000.000đ (*một tỷ đồng*) vào ngày 04/9/2019 và số tiền 2.000.000.000đ (*hai tỷ đồng*) vào ngày 12/7/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 10/10/2019, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn xác định Công ty V còn nợ Công ty L số tiền gốc chưa thanh toán là 1.379.935.815đ (*một tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm mười lăm đồng*).

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty L theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/L-V với tổng số tiền 1.485.953.409đ (*một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng*); trong đó nợ gốc là 1.379.935.815 đồng, nợ lãi là 106.017.594 đồng (*với lãi suất 8%/năm*);

Cụ thể:

+ Lãi đầu kỳ là 18.791.506 đồng.

+ Số tiền lãi của 2.000.000.000 đồng x 8% x 36 ngày (*từ ngày 06/6/2019 đến ngày 12/7/2019*): 365 = 15.780.822 đồng.

+ Số tiền lãi của 1.000.000.000 đồng x 8% x 90 ngày (*từ ngày 06/06/2019 đến ngày 04/9/2019*): 365 = 19.726.027 đồng.

+ Số tiền lãi của 1.379.935.815 đồng x 8% x 171 ngày (*từ ngày 06/06/2019 đến ngày 24/9/2019*): 365 = 51.719.238 đồng.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty V phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu Công ty P phải có trách nhiệm bảo lãnh trả thay cho bị đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty L và Công ty V là giao dịch hợp pháp, tự nguyện, mục đích và nội dung không trái quy định của pháp luật. Do bị đơn là Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng chưa thanh toán 1.379.935.815 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại.

Công ty L yêu cầu bị đơn là Công ty V phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 8%/năm. Xét thấy, do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ mua hàng là có căn cứ, quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cũng thống nhất mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu; mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán và phù hợp với Điều 306 của Luật thương mại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty V phải thanh toán cho nguyên đơn là Công ty L số tiền 1.485.953.409đ (*một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng*); trong đó nợ gốc là 1.379.935.815 đồng, nợ lãi là 106.017.594 đồng (lãi tính đến ngày 24/11/2019).

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn là trong trường hợp bị đơn là Công ty V không trả được nợ thì buộc Công ty P phải có nghĩa vụ trả nợ thay. Hội đồng xét xử xét thấy: "*Tại Văn bản thỏa thuận về việc bảo lãnh thanh toán*" ngày 26/4/2019 thay thế cho văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2019 thể hiện: "Khi đến hạn thanh toán, Bên C thực hiện thanh toán cho bên A bằng ủy nhiệm chi thông qua tài khoản của bên B (*hình thức thanh toán bằng ủy nhiệm chi song song theo giá trị, khối lượng có xác nhận của bên B*)…". Bên C (Bên bảo lãnh) là Công ty P đã thực hiện việc bảo lãnh cho bên B (bên mua) là Công ty V bằng việc chuyển cho Công ty V để thanh toán cho Công ty L, cụ thể: ngày 07/5/2019 thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 12/7/2019 thanh toán 2.700.000.000 đồng và cũng trong ngày 12/7/2019 thanh toán số tiền 4.000.000.000 đồng. Mặt khác, đại diện Công ty V và đại diện Công ty P xác định theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2803-XXVI/NHÂN LUAT – HONGTRIVIET ngày 28/3/2019, Công ty P đã chuyển cho Công ty V tổng số tiền 6.368.699.528 đồng, số tiền bảo lãnh chưa thanh toán là 11.236.287 đồng. Như vậy bên bảo lãnh đã thực hiện gần hết nghĩa vụ bảo lãnh như đã cam kết theo văn bản thỏa thuận 03 bên lập ngày 26/4/2019, còn đối với Công ty V không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết thì phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty L đối với số tiền chưa thanh toán. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty P phải có nghĩa vụ thanh toán thay nếu Công ty V không thanh toán đầy đủ là không có cơ sở nên không được chấp nhận, mà chỉ chấp nhận buộc Công ty P phải có nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ cho Công ty L đối với số tiền 11.236.287 đồng, nếu Công ty V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, là phù hợp với khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Dân sự.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-20016.

Mức án phí cụ thể mà Công ty Cổ phần Xây dựng V phải chịu: 36.000.000 đồng + {(1.485.953.409đ – 800.000.000đ) x 3%} = 56.578.602 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 243, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 24, 50 và 306 của Luật thương mại;

Căn cứ vào các Điều 335, 336 và khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về số tiền 2.965.592.023đ (*hai tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng V về việc "*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L số tiền là 1.485.953.409đ (*một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng*); trong đó nợ gốc là 1.379.935.815 đồng, nợ lãi là 106.017.594 đồng (*lãi tính đến ngày 24/11/2019*).

Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì buộc Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế P phải có trách nhiệm trả thay cho Công ty Cổ phần Xây dựng V trong phạm vi bảo lãnh với số tiền 11.236.287đ (*mười một triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng*).

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng V phải chịu là 56.578.602đ (*năm mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng*).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh L tiền tạm ứng án phí là 36.225.000đ (*ba mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0005036 ngày 19/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đầu tư P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện